

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 24/2023/HS-ST

Ngày 30 - 3 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Nhu

Ông Nguyễn Xuân Thịnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hoàng Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2023/TLST- HS ngày 18 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 28/3/1994 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án có 01 tiền án: Tại Bản án số 231/HSST ngày 30/10/2015, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm p khoản 1,2 Điều 46, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 15 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đã nộp án phí tháng 5/2016. Chấp hành xong hình phạt tù 09/7/2016; tiền sự: không.

Về nhân thân:

+ Tại Bản án số 231/HSST ngày 30/10/2015, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm p khoản 1,2 Điều

46, Điều 33, điều 53 BLHS 1999 xử phạt 15 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù 09/7/2016, đến 09/7/2018 mới được xóa án tích (hành vi phạm tội bị truy tố lần này là ngày 22, 27/6/2018)

+ Tại Bản án số 181/2018/HSST ngày 29/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 (tái phạm) xử 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. N phải bồi thường 6.216.500đ + 11.500.000đồng; án phí hình sự 200.000đồng, án phí dân sự 885.825đ. Ngày 15/3/2019, đã nộp xong án phí dân sự + hình sự. (Ngày thực hiện hành vi phạm tội 15/6/2018).

+ Tại bản án số 21/2019/HSST ngày 07/03/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên – Thái Nguyên áp dụng điểm c khoản 2 điều 173; điểm b,s khoản 1 điều 51; 58; điều 38; điều 56 bộ luật hình sự phạt N 4 năm tù. Tổng hợp hình phạt 4 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 181/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án 8 năm tù.

+ Tại Bản án số 17/2019/HSST ngày 10/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 173, khoản 1 điều 178, điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 (h: tái phạm nguy hiểm); Điều 15, 55, 56,57 BLHS xử 03 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 181/2018/HSST ngày 29/11/2018, Buộc N phải chấp hành chung cho cả 2 bản án là: 08 năm 03 tháng tù. Buộc N bồi thường 20.775.000đồng + 9.350.000đồng nhưng đến nay chưa thực hiện. Án phí hình sự 200.000đồng. Án phí dân sự 1.506.000đồng. Ngày 17/7/2019, N đã nộp án phí dân sự + hình sự. Hiện đang chấp hành án phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2018 hiện đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang, Bộ Công an (có mặt).

2. Họ và tên: Phạm Tiên V, sinh ngày 11/8/1996 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Phạm Tiến C và bà Trần Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Về nhân thân:

+ Tại Bản án số 47/2015/HSST ngày 18/11/2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p Khoản 1, 2 Điều 46 BLHS xử 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã nộp án phí tháng 01/2016. Chấp hành xong hình phạt tù 28/4/2016, đến ngày 28/04/2018 được xóa án tích.

+ Tại Bản án số 181/2018/HSST ngày 29/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (phạm tội ngày 15/06/2018) áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. V phải bồi thường 6.500.000đồng; án phí hình sự 200.000đồng, án phí dân sự 325.000đồng. Ngày 15/3/2019, đã nộp xong án phí dân sự + hình sự.

+ Tại bản án số 21/2019/HSST ngày 07/03/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên – Thái Nguyên áp dụng điểm c khoản 2 điều 173; điểm b,s khoản 1 điều 51; 58; điều 38; điều 56 bộ luật hình sự phạt V 3 năm tù. Tổng hợp hình phạt 3 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 181/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án 6 năm tù.

+ Tại Bản án số 17/2019/HSST ngày 10/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1 điều 323, điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 55, 56 BLHS xử 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 181/2018/HSST ngày 29/11/2018, Buộc V phải chấp hành chung cho cả 2 bản án là: 04 năm 03 tháng tù. Truy thu số tiền 500.000đồng.

Ngày 12/02/2023, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của 03 bản án số 181/2018/HSST ngày 29/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; bản án số 21/2019/HSST ngày 07/03/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên – Thái Nguyên; Bản án số 17/2019/HSST ngày 10/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc trên theo Quyết định tổng hợp hình phạt số 03 ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

Bị cáo ra trại ngày 12/02/2023 và đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương (có mặt).

3. Họ và tên: Phạm Tiến N; sinh ngày 26/6/1997 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Phạm Tiến T và bà Lê Thị P; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Về nhân thân:

+ Ngày 16/8/2012, Chủ tịch UBND huyện Bình Xuyên có Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thời gian 12 tháng.

+ Tại bản án 05/2015/HSST ngày 10/3/2015, TAND huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tại Bản án số 39/2015/HSPT ngày 19/6/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử áp dụng

khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46, điều 69, điều 74 BLHS xử 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm ngày 28/7/2015. Ngày thực hiện hành vi phạm tội 16/8/2014, N chưa đủ 18 tuổi nên không tính án tích.

+ Tại Bản án số 231/HSST ngày 30/10/2015, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 74, 51, 53, 69 BLHS năm 1999 xử phạt 26 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 39/2015/HSPT của TAND tỉnh Vĩnh Phúc là 35 tháng tù. Đã nộp án phí tháng 5/2016. Chấp hành xong hình phạt tù 18/5/2018. Ngày thực hiện hành vi phạm tội 07/4/2015, N chưa đủ 18 tuổi nên không tính án tích.

+ Tại Bản án số 181/2018/HSST ngày 29/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. N phải bồi thường 6.216.500đ + 13.306.000đồng; án phí hình sự 200.000đồng, án phí dân sự 976.125đ. Ngày 15/3/2019, đã nộp xong án phí dân sự + hình sự.

+ Tại bản án số 21/2019/HSST ngày 07/03/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên – Thái Nguyên áp dụng điểm c khoản 2 điều 173; điểm b,s khoản 1 điều 51; 58; điều 38; điều 56 bộ luật hình sự phạt N 4 năm tù. Tổng hợp hình phạt 4 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 181/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án 8 năm tù.

+ Tại Bản án số 17/2019/HSST ngày 10/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 173, khoản 1 điều 178, điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 15, 55, 56, 57 BLHS năm 2015 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 181/2018/HSST ngày 29/11/2018, buộc N phải chấp hành chung cho cả 2 bản án là: 08 năm tù. Buộc N bồi thường 20.775.000đồng + 9.350.000đồng nhưng đến nay chưa thực hiện. Án phí hình sự 200.000đồng. Án phí dân sự 1.506.000đồng. Ngày 23/8/2019, N đã nộp án phí hình sự và dân sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2018 hiện đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang, Bộ Công an.

** Bị hại:*

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963.

- Bà Dương Thị T, sinh năm 1964.

- Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1994.

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Đàm Thị T, sinh năm 1970 và ông Phạm Văn T, sinh năm 1968.

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1973 (là mẹ đẻ bị cáo V).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

+ Anh Phạm Tiến C, sinh năm 1995 (là anh trai bị cáo N).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (là bố đẻ bị cáo N).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 27/6/2018, Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1994 cùng Phạm Tiến V, sinh năm 1996 và Phạm Tiến N, sinh năm 1997 đều trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc gặp nhau ở đầu làng thôn T, tại đây cả 3 cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản. N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đồng, BKS: 88G1 – 211.45 đèo N, V đi sang địa bàn xã Cao Minh, thành phố Phúc Yên, thấy cổng nhà của ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 ở thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc khóa, không có ai ở nhà nên N dừng xe trước cổng, N và N đứng bên ngoài canh giới để V trèo tường vào bên trong sân nhà ông T, V đi vào bếp lấy một chiếc xà cày bằng kim loại rồi dùng xà cày phá cửa cổng để N và N vào trong sân. Thấy nhà ông T cửa chỉ cài then bên ngoài không khóa, V mở cửa rồi cùng N và N vào bên trong đến buồng ngủ thấy 01 chiếc két sắt màu xanh có cánh cửa sắt màu vàng. N xuống bếp lấy 02 con dao cầm lên đưa cho V 01 con dao. Sau đó, V dùng 01 con dao, N dùng 01 con dao, còn N dùng xà cày cùng nhau cạy phá cánh cửa két sắt trộm cắp tài sản bên trong két gồm: 01 chiếc đồng hồ màu vàng, 01 sợi dây chuyền bằng vàng và số tiền 5.800.000đồng. Tiếp đó V trộm cắp thêm 01 chiếc máy tính laptop màu đen để trên kệ tủ. Sau khi trộm cắp tài sản trong két + chiếc máy tính laptop, cả ba đi về phía thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đường về,

N cầm rồi đánh rơi chiếc máy tính laptop xuống đường làm cho chiếc máy tính laptop này bị vỡ nên N đã vứt bỏ trên đường không rõ vị trí vứt cụ thể; V cầm đồng hồ sau khi kiểm tra thì chiếc đồng hồ này bị hỏng nên cũng đã vứt bỏ trên đường không rõ vị trí cụ thể, còn N cầm dây chuyền vàng bán tại một cửa hàng không rõ tên, địa chỉ cụ thể được số tiền là 12.000.000đồng + số tiền 5.800.000đồng tiền mặt vừa trộm cắp được rồi cả ba chia nhau. V hưởng 5.000.000đồng, N hưởng 7.500.000đồng và N hưởng 5.300.000đồng. Toàn bộ số tiền trên N, V và N đều tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, quá trình điều tra, xác định các bị cáo còn thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản ngày 22/6/2018 tại thôn B, xã N– Phúc Yên – Vĩnh Phúc. Cụ thể như sau:

Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 22/6/2018, Nguyễn Hoàng N cùng Phạm Tiến V và Phạm Tiến N gặp nhau ở đầu làng thôn T với mục đích xem nhà ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. N điều khiển xe mô tô BKS: 88G1 - 211.45 chở N, V đến khu vực thôn B, xã N, thành phố Phúc Yên phát hiện gia đình ông Phạm Văn T, sinh năm 1968 ở thôn B, xã N, thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc cổng sắt mở, không có ai trong nhà. N dừng xe trước cổng, V đi vào trong ngôi nhà trước, N và N đứng ngoài đợi. Sau đó, V quan sát thấy không có ai ở nhà nên đã gọi bảo N và N vào trong sân. Lúc này, V thấy cánh cửa lách bên tay trái hướng từ cổng vào mở, V liền mở cửa vào bên trong, N và N đi theo sau. Cả ba vào gian chính nhà ông T thấy cạnh giường ngủ có 01 chiếc két sắt màu xanh, cả 3 cùng nhau vật chiếc két sắt nằm ngửa xuống nền nhà, cánh cửa két sắt hướng lên trên. Sau đó, N xuống bếp lấy 01 chiếc thuổng và 06 con dao các loại, N và V dùng dao, còn N dùng thuổng rồi cùng nhau cạy phá cánh cửa két sắt trộm cắp tài sản bên trong két gồm: 01 chiếc nhẫn vàng ta 9999, trọng lượng 01 chỉ; 01 sợi dây chuyền màu vàng, 01 đôi bông tai màu vàng, 01 chiếc nhẫn đeo tay màu vàng đều là hàng mỹ ký. Sau khi trộm cắp tài sản thì cả ba đi về thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đường về, N vào 01 cửa hàng vàng bạc không nhớ tên, địa chỉ bán 01 chiếc nhẫn vàng ta 9999, trọng lượng 01 chỉ được 2.700.000đồng, còn lại số mỹ ký (dây chuyền, bông tai, nhẫn) thì N đã đánh rơi mất. Số tiền trên cả ba chia nhau, N được 1.000.000đồng, còn lại N và V chia nhau. Toàn bộ số tiền trên, N, V và N đều tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận số 59/KL-HĐĐGTS ngày 11/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Phúc Yên, kết luận: Giá 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu ASUS, màu đen, mã model X551CA-CX077D Coid I3: 3217U, đã qua sử dụng từ khoảng tháng 9/2014 có giá trị: 3.000.000đồng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng có trọng lượng 04 chỉ, hình dạng tròn tròn, các móc hình dạng tròn liên kết với nhau có giá trị: 14.200.000đồng; 01 đồng hồ đeo tay

màu vàng, dây đeo kim loại màu vàng có giá trị: 1.500.000đồng. Tổng giá trị thiệt hại: 18.700.000đồng.

Tại bản kết luận số 88/KL-HĐĐGTS ngày 28/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Phúc Yên, kết luận: 01 kết sắt màu xanh, có kích thước dài 105cm, thân kết (80x56x43) cm, đế kết cao 25cm, dài 62cm, rộng 46cm tại thời điểm ngày 27/6/2018 có giá trị là 900.000đồng.

Tại bản kết luận số 62/KL-HĐĐGTS ngày 17/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Phúc Yên, kết luận: Giá 01 chiếc nhẫn đeo tay bằng vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ là 3.570.000đồng; giá 01 sợi dây chuyền đeo cổ màu vàng bằng mỹ ký: không đủ thông tin để định giá; giá 01 đôi bông tai màu vàng bằng mỹ ký: không đủ thông tin để định giá; giá 01 chiếc nhẫn đeo tay màu vàng bằng mỹ ký: không đủ thông tin để định giá.

Tại bản kết luận định giá số 85/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Phúc Yên có kết luận: Giá 01 kết sắt màu xanh, có kích thước (0,89 x 0,47 x 0,35) mét sản xuất tại công ty trách nhiệm hữu hạn Kim khí Hà Nội là 700.000đồng.

Như vậy, Nguyễn Hoàng N, Phạm Tiến V và Phạm Tiến N thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản (ngày 27/6/2018 và ngày 22/6/2018). Tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 5.800.000đồng + 18.700.000đồng + 3.570.000đồng = 28.070.000đồng.

Đối với hành vi cạy phá 02 chiếc kết sắt của các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Phạm Tiến V và bị cáo Phạm Tiến N, nhằm mục đích trộm cắp tài sản, trị giá tài sản thiệt hại đều dưới 2.000.000đồng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 điều 178 BLHS nên không cấu thành tội Hủy hoại tài sản.

*** Về vật chứng thu giữ:**

- Thu tại nhà ông Nguyễn Văn T gồm: 01 chiếc kết sắt màu xanh có kích thước dài 105cm, thân kết (80x56x43) cm, đế kết cao 25cm, dài 62cm, rộng 46cm; 02 con dao và 01 chiếc xà cày. Ngày 23/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại số tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Văn T nhận lại là phù hợp.

- Thu tại nhà ông Phạm Văn T gồm: 01 kết sắt màu xanh có kích thước 0,89 x 0,47 x 0,35 m; 06 con dao các loại, 01 chiếc thuổng bằng kim loại. Ngày 23/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại số tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Phạm Văn T nhận lại là phù hợp.

Riêng chiếc xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu đồng, BKS: 88G1 – 211.45 mà các bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản đã bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Đảo tạm giữ trong 01 vụ án khác và đã được xử lý tại bản án số

17/2019/HSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo (trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu là bà Trần Thị T, sinh năm 1973, trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, là mẹ đẻ của bị cáo V).

Quá trình điều tra làm rõ trong các ngày 22/6/2018 và 27/6/2018, bà T không biết việc V sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý đối với xe mô tô nêu trên.

- Đối với 01 chiếc máy tính laptop, 01 chiếc đồng hồ và 01 sợi dây chuyền bằng vàng có trọng lượng 04 chỉ nêu trên CQĐT đã ra thông báo truy tìm nhưng không tìm được.

- Đối với 01 chiếc nhẫn vàng nặng 1 chỉ cùng với 01 nhẫn vàng + 01 sợi dây chuyền + 01 đôi bông tai đều làm bằng đồ mỹ ký nêu trên. Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm nhưng không thu hồi được.

*Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra xác định tài sản của gia đình ông T: 01 chiếc đồng hồ màu vàng là của ông T; 01 dây chuyền vàng nặng 4 chỉ là của bà Dương Thị T sinh năm 1964 có Hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã C, thành phố P (vợ ông T); số tiền 5.800.000đ là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng ông T; 01 máy tính laptop hiệu ASUS, màu đen là của anh Nguyễn Văn P sinh năm 1994 có Hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã C, thành phố P (con ông T); 01 chiếc két sắt có kích thước dài 105cm, thân két (80x56x43) cm, đế két cao 25cm, dài 62cm, rộng 46cm là tài sản chung của vợ chồng ông T.

Bà T và anh P đều ủy quyền cho ông T tham gia giải quyết vụ án về hình sự + phần yêu cầu bồi thường trong vụ án. Ông T yêu cầu 3 bị cáo cùng có trách nhiệm bồi thường cho gia đình ông tổng số tiền như kết luận định giá là: $18.700.000 + 900.000đ + 5.800.000 = 25.400.000đ$, cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường.

- Quá trình điều tra xác định: 01 chiếc nhẫn vàng ta 9999, trọng lượng 01 chỉ; 01 sợi dây chuyền màu vàng, 01 đôi bông tai màu vàng, 01 chiếc nhẫn đeo tay màu vàng đều là hàng mỹ ký và 01 két sắt màu xanh có kích thước 0,89 x 0,47 x 0,35 m đều là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng ông T và bà Đàm Thị T sinh năm 1970 có Hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã N, thành phố Phúc Yên. Ông T, bà T yêu cầu 3 bị cáo cùng có trách nhiệm bồi thường như kết luận định giá tài sản là: $3.570.000 + 700.000 = 4.270.000đ$, cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 15/CT - VKSPY ngày 16 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố các bị cáo Phạm Tiến V, Phạm

Tiến N và bị cáo Nguyễn Hoàng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị hại là ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T, anh Nguyễn Văn P do ông Nguyễn Văn T đại diện vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị: Quá trình điều tra gia đình ông yêu cầu 3 bị cáo cùng có trách nhiệm bồi thường cho gia đình ông tổng số tiền như kết luận định giá là: $18.700.000 + 900.000đ + 5.800.000 = 25.400.000đ$. Đến nay gia đình các bị cáo N, V, N đã tự nguyện bồi thường do bà Trần Thị T đại diện 03 gia đình giao tiền cho ông, ông và gia đình không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền gì khác đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại là bà Đàm Thị T và ông Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị: Ông, bà yêu cầu 3 bị cáo cùng có trách nhiệm bồi thường như kết luận định giá tài sản là: $3.570.000 + 700.000 = 4.270.000đ$, đến nay gia đình các bị cáo N, V, N đã tự nguyện bồi thường do bà Trần Thị T đại diện 03 gia đình giao tiền cho ông, ông và bà T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền gì khác đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T là mẹ đẻ bị cáo V trình bày: Bà đã đại diện cho 03 gia đình các bị cáo V, N, N bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 25.500.000đồng, mỗi gia đình 8.500.000đồng, về số tiền này bà tự nguyện, bà không yêu cầu bị cáo V phải thanh toán cho bà, bà không có đề nghị gì khác, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V.

Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tiến C là anh trai bị cáo N trình bày: Nhất trí với lời trình bày của bà T, bà T đã đại diện cho 03 gia đình các bị cáo V, N, N bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 25.500.000đồng, mỗi gia đình 8.500.000đồng, về số tiền này anh tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo N, anh không yêu cầu bị cáo N phải thanh toán cho anh, anh không có đề nghị gì khác, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T là bố đẻ bị cáo N vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông T có đơn trình bày: Bà T đã đại diện cho 03 gia đình các bị cáo V, N, N bồi thường cho bị hại tổng số tiền là

25.500.000đồng, mỗi gia đình 8.500.000đồng, về số tiền này ông tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo N, ông không yêu cầu bị cáo N phải thanh toán cho ông, ông không có đề nghị gì khác, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Tại phiên tòa kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với các bị cáo; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Phạm Tiến V và bị cáo Phạm Tiến N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N từ 01 (Một) năm 9 (chín) tháng đến 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 12 (Mười hai) năm 03 (Ba) tháng tù tại Quyết định tổng hợp hình phạt tù số: 01/2018/QĐ-CA ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (Quyết định này tổng hợp bản án số 17/2019 ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo và Bản án số 21/2019 ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (Mười bốn) năm đến 14 (Mười bốn) năm 01 (Một) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/7/2018, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Tiến V từ 01 (Một) năm 6 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm 8 (Tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Tiến N từ 01 (Một) năm 6 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm 8 (Tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 12 (Mười hai) năm tù tại Quyết định tổng hợp hình phạt tù số: 02/2018/QĐ-CA ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (Quyết định này tổng hợp bản án số 17/2019 ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo và Bản án số 21/2019 ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 13 (Mười ba) năm 6 (Sáu) tháng đến 13 (Mười ba) năm 8 (Tám) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/7/2018, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được xử lý nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không bào chữa, không tranh luận và không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như: Lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 27/6/2018, tại nhà của gia đình ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 ở thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1994 cùng Phạm Tiến V, sinh năm 1996 và Phạm Tiến N, sinh năm 1997 đều trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc có hành vi lén lút đột nhập vào nhà ông T rồi dùng dao, xà cày cùng nhau cạy phá cánh cửa kết sắt, trộm cắp: 01 chiếc đồng hồ màu vàng, 01 sợi dây chuyền bằng vàng, 01 chiếc máy tính laptop màu đen và số tiền 5.800.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là: 24.500.000 đồng.

Ngoài ra quá trình điều tra còn xác định vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 22/6/2018, tại gia đình ông Phạm Văn T, sinh năm 1968 ở thôn B, xã N, thành phố Phúc Yên, N cùng V và N có hành vi lén lút đột nhập vào nhà ông T rồi

dùng 01 chiếc thuổng và dao cạy phá cánh cửa kết sắt trộm cắp 01 chiếc nhẫn vàng ta 9999, trọng lượng 01 chỉ; 01 sợi dây chuyền màu vàng, 01 đôi bông tai màu vàng, 01 chiếc nhẫn đeo tay màu vàng đều là hàng mỹ ký. Trị giá tài sản trộm cắp là: 3.570.000 đồng.

Như vậy tổng trị giá tài sản các bị cáo 02 lần trộm cắp là: 28.070.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Phạm Tiến V, Phạm Tiến N đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“ Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ”.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 15/CT - VKSPY ngày 16 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người trưởng thành, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an địa phương. Hội đồng xét xử cần phải xử lý nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, không xác định được ai là người khởi xướng, cả 3 bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, trong đó Phạm Tiến V là người tích cực nhất chuẩn bị phương tiện, V, N, N cùng nhau trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[4] Về các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Trước khi phạm tội các bị cáo N, N, V là những người có nhân thân xấu, đã từng có thời gian đi chấp hành trong trại giam, bị cáo N đã có 01 tiền án về hành vi cùng loại tội, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo N đã hai lần bị kết án về hành vi xâm phạm quyền sở hữu, trong đó có một lần về hành vi cùng loại tội. Tuy nhiên tại thời điểm phạm tội bị cáo N đều đang ở độ tuổi chưa thành niên nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật hình sự

thì coi các lần phạm tội này là không có án tích; bị cáo V đã có 01 tiền án về hành vi cùng loại tội, tiền án đó đã được xóa án tích. Các bị cáo thực hiện 02 vụ trộm cắp trên địa bàn thành phố Phúc Yên nên các bị cáo phải chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, các bị cáo N, N, V còn liên tiếp thực hiện các vụ trộm cắp trên địa bàn huyện Sóc Sơn, Thái Nguyên, Tam Đảo. Điều đó thể hiện các bị cáo là người bất chấp, coi thường pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình các bị cáo đã khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, bị cáo V có ông nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo N có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, nên các bị cáo được hưởng T tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo yên tâm cải tạo, giáo dục sớm trở về với gia đình và xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Hoàng N có 01 tiền án chưa được xóa án tích và 02 T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần xử phạt bị cáo ở mức cao hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung. Các bị cáo V, N không có tiền án, tiền sự và có 01 T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ các bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét, giải quyết.

Riêng chiếc xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu đồng, BKS: 88G1 – 211.45 mà các bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản đã bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Đảo tạm giữ trong 01 vụ án khác và đã được xử lý tại bản án số 17/2019/HSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo (trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu là bà Trần Thị T, sinh năm 1973, trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, là mẹ đẻ của bị cáo V).

Quá trình điều tra làm rõ trong các ngày 22/6/2018 và 27/6/2018, bà T không biết việc V sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý đối với xe mô tô nêu trên là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc máy tính laptop, 01 chiếc đồng hồ và 01 sợi dây chuyền bằng vàng có trọng lượng 04 chỉ nêu trên Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng không tìm được.

- Đối với 01 chiếc nhẫn vàng nặng 1 chỉ cùng với 01 nhẫn vàng + 01 sợi dây chuyền + 01 đôi bông tai đều làm bằng đồ mỹ ký nêu trên. Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm nhưng không thu hồi được.

[7] Đối với hành vi cạy phá 02 chiếc két sắt của các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Phạm Tiến V và bị cáo Phạm Tiến N, nhằm mục đích trộm cắp tài sản, trị giá tài sản thiệt hại đều dưới 2.000.000đ và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 điều 178 Bộ luật hình sự nên không cấu thành tội Hủy hoại tài sản.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản bị mất hoặc đã được bồi thường nay không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải thanh toán số tiền đã trả cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Phạm Tiến V và bị cáo Phạm Tiến N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Hoàng N 02 (Hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 12 (Mười hai) năm 03 (Ba) tháng tù của Quyết định tổng hợp hình phạt tù số: 01/2018/QĐ-CA ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (Quyết định này tổng hợp Bản án số 17/2019 ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo và Bản án số 21/2019 ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (Mười bốn) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/7/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Tiến V 01 (Một) năm 8 (Tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Tiến N 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 12 (Mười hai) năm tù tại Quyết định tổng hợp hình phạt tù số: 02/2018/QĐ-CA ngày 20/5/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (Quyết định này tổng hợp Bản án số 17/2019 ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo và Bản án số 21/2019 ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 13 (Mười ba) năm 8 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/7/2018.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Phạm Tiến V, Phạm Tiến N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi Nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Phúc Yên;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phúc Yên;
- Trại giam Vĩnh Quang;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- UBND xã Tân P;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Hiền